

VỀ THÔN ẤP NGƯỜI VIỆT Ở NAM BỘ QUA TÁC PHẨM "GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ"

TRẦN THỊ THANH THANH*

Trong kho tàng thư tịch cổ của nước ta, tác phẩm "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức (1) là bộ sách địa lý-lịch sử ghi chép sớm nhất về sông núi, khí hậu, con người, phong tục tập quán, cương vực lãnh thổ, thành trì, sản vật... của vùng đất Nam Bộ xưa, tức đồng bằng sông Đồng Nai, Cửu Long ngày nay. Tác phẩm chứa đựng một nguồn sử liệu phong phú và đa dạng, trong đó phản ánh một phần quá trình khai hoang lập làng của người Việt trên vùng đất này cho đến đầu thế kỷ XIX.

Công cuộc khai phá của người Việt gắn liền với việc hình thành hệ thống thôn ấp. Trên vùng đất phương Nam còn nhiều hoang rậm, khắc nghiệt, lưu dân người Việt vốn quen sống trong làng xóm nơi quê cũ miền ngoài, càng có nhu cầu gắn bó quần tụ. Theo bước chân khai phá của họ, các thôn ấp được hình thành qua nhiều năm tháng, dần dần thống thuộc vào sự cai quản của chính quyền bấy giờ. Theo *Gia định thành thông chí*, quyển III: Cương vực chí (2), đến đầu thế kỷ XIX, số thôn ấp của người Việt có thể được thống kê theo các huyện của từng trấn (xem bảng 1).

Có thể cho rằng số thôn ấp của từng huyện, trấn phản ánh phần nào tình hình định cư và khai khẩn của lưu dân người Việt. Người Việt vốn có truyền thống làm

nông nghiệp, trồng lúa nước, vì vậy họ thường chọn nơi định cư ở những vùng có nguồn nước tưới... Theo chỉ dẫn về cương vực của *Gia Định thành thông chí*, dựa vào những con số thống kê trên, có thể nhận thấy vùng Hạ lưu sông Đồng Nai và sông Cửu Long có mạng lưới thôn ấp dày đặc hơn cả. Ở trấn Biên Hòa, huyện Bình An nằm trên vùng phù sa sông Đồng Nai có 119 thôn, hơn hẳn các huyện khác. ở trấn Phiên An, hai huyện Bình Dương và Tân Long có 300 thôn trên vùng đất được bồi đắp phù sa màu mỡ của sông Đồng Nai và Vàm Cỏ. Ở trấn Định Tường, huyện Kiến Hòa gồm cả vùng Cù lao Bảo và Cù lao Minh của Bến Tre tuy diện tích nhỏ nhưng cũng có 151 thôn. Ở trấn Vĩnh Thanh, huyện Tân An nhờ có sự bồi đắp của sông Cửu Long nên có 135 thôn... Điều này cho thấy cư dân thường tập trung đông ở ven sông, đất tốt mềm, dễ trồng cấy. So với trấn Biên Hoà, vùng đất có người Việt xuất hiện sớm nhất có 310 thôn ấp, các trấn Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh ở phía Nam trấn này được khai thác muộn hơn song số thôn ấp nhiều hơn, lần lượt là 460, 314 và 353, phản ánh tốc độ và hướng khai phá. Vùng có nhiều thôn ấp trên diện tích nhỏ chúng ta đó là nơi đất tốt, khẩn hoang có kết quả. Vùng có ít thôn ấp trên diện tích rộng là vùng chưa được khai thác nhiều.

* TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

Bảng 1: Số thôn ấp thống kê theo đơn vị cấp huyện

Trấn	Phiên An	Biên Hòa	Định Tường	Vĩnh Thanh	Hà Tiên
Huyện	Bình Dương 150	Phước Chánh 85	Kiến Đăng 87	Vĩnh Bình 100	Long Xuyên 40
	Tân Long 150	Bình An 119	Kiến Hưng 76	Vĩnh An 81	Kiên Giang 11
	Phước Lộc 95		Kiến Hòa 151	Vĩnh Định 37	Phần chưa lập phủ huyện : 19 (có 12 thôn ở Phú Quốc)
	Thuận An 65	Long Thành 63		Tân An 135	
		Phước An 43			
Tổng số	460	310	314	353	70

Công cuộc khai phá cũng phát triển về phía Tây. Vùng đất kém màu mỡ hơn, lại nhiều rừng rậm đâm lầy kéo dài từ Thượng lưu sông Đồng Nai đến nguồn Quang Hóa giáp Cao Miên, qua đến Thượng lưu sông Tiên, sông Hậu, bấy giờ cũng đã có người Việt tới khai phá, nhưng số thôn ấp ở đây thấp hơn nhiều so với vùng Hạ lưu, chứng tỏ mức độ khai phá còn ít. Huyện Phúc Chính ở đầu nguồn Đồng Nai (trấn Biên Hòa) có 85 thôn xã, huyện Thuận An gần rừng hoang thuộc trấn Phiên An có 65 thôn, huyện Kiến Đăng gần địa giới nước Cao Miên (thuộc trấn Định Tường) có 87 thôn. Riêng phần đất từ bờ Nam sông Hậu vào đến mũi Cà Mau số thôn ấp còn ít ỏi, một vùng diện tích lớn thuộc huyện Vĩnh Định trấn Vĩnh Thanh gồm Hữu ngạn sông Hậu từ biên giới thuộc Châu Đốc kéo dài đến Vàm Ba Thắc ở ven biển Đông chỉ có 37 thôn, vùng đất phèn ngập mặn Cà Mau chỉ có 40 thôn.

Trong quá trình khai khẩn lập làng, người Việt canh tác trên hai loại ruộng, ruộng núi và ruộng cỏ. Ruộng núi (sơn điền) là loại ruộng ở nơi đất cao không bị ngập nước, gồm cả ruộng trên các giong đất. *Gia Định thành thông chí* mô tả cách khai thác loại ruộng này như sau: "Khi mới khai khẩn thì dẫn chặt cỏ cây, đợi cho khô đốt thành tro, đến khi mưa xuống cứ thế mà gieo thóc, không phải cày bừa, dùng sức

ít mà được lợi nhiều, 3 hay 5 năm lại đổi trồng chỗ khác..." (3). Ruộng cỏ (thảo điền) là ruộng ở nơi đất thấp ướt, "nhiều cỏ lác, cỏ năn và bùn lầy, ngày nắng ráo thì đất rạn nẻ như vân mu rùa, kẽ nẻ sâu to, phải đợi nước mưa ngấm no cho bùn tan rã rồi mới cày được, mà trâu cày tất phải chọn con nào sức khỏe chân cao mới có thể dùng nổi, nếu không thì sa lầy không đứng dậy được" (4). Loại ruộng cỏ này phổ biến ở vùng Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh: "Ở trấn Phiên An và trấn Biên Hòa, những ruộng cày bằng trâu thì một hộ thóc giống thu hoạch được 100 hộ thóc... Trấn Vĩnh Thanh ruộng cày không dùng trâu cày, đợi đến khi cuối mùa Hạ sang mùa Thu, nước mưa đầy tràn, chặt phá cỏ lác cỏ năn, bừa cỏ đi, be đắp làm bờ, trang đất cày mạ, một hộ thóc giống thì thu được 300 hộ thóc..." (5).

Bấy giờ, người nông dân thường gieo trồng mỗi năm một vụ vào mùa mưa. Do thời vụ canh tác sớm hay muộn, tùy theo chân ruộng cao thấp mà các loại ruộng lúa còn được gọi là ruộng sớm hay ruộng muộn. Theo *Gia Định thành thông chí*, "Phàm ruộng ở chỗ thấp ướt được nước mưa trước là ruộng sớm, ruộng cao khô là ruộng muộn" (6). Tùy theo từng vùng, ở ruộng sớm người ta thường gieo mạ vào tháng 4, cấy vào tháng 6 và gặt vào tháng 10. Tại ruộng muộn thì tháng 5 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt. Ở vùng Mỹ Tho, Bến Tre, họ tiến hành kỹ thuật làm

vườn trên vùng đất ven sông rạch (như ở Cái Bè, Lách, Cái Mơn...) và áp dụng cách "đào mương lên liếp".

Tên gọi của một số thôn xã phản ánh được phần nào đặc điểm của quá trình lao động biến rừng hoang cỏ rậm thành đồng ruộng, vườn tược, tính đến đầu thế kỷ XIX. Trong mục Cương vực chí, sách *Gia Định thành thông chí* ghi rõ tên các thôn xã có các chữ "cự", "tứ chiếng", "tân", "thủy lập" (7).

Thôn ấp có chữ "cự" là những thôn ấp được lập sớm nhất, tập trung ở trấn Vĩnh Thanh (Cự Phúc Khánh, Cự Phúc Hoà, Cự Long An, Cự Hội Hợp, Cự Tân Hưng, Cự Vĩnh Thịnh) và Phiên An (Cự Bình Nhan, Cự Phú An, Cự Phú Lâm, Long An Cự, Bình Sơn Cự, Bình Hòa Cự). Trấn Định Tường có 1 thôn Cự Tân Hưng.

Bảng 2: Các thôn ấp có từ tổ đặc biệt

Tên thôn ấp	Phiên An	Biên Hòa	Định Tường	Vĩnh Thanh	Hà Tiên
Có chữ "cự"	5	0	1	6	0
Có chữ "tứ chiếng"	11	0	0	1	0
Có chữ "tân"	134	69	56	89	19
Có chữ "thủy lập" (8)	26	7	50	54	0

Trấn Phiên An có 11 thôn ấp "tứ chiếng" (Mỹ Đức, Văn Đức, Tứ Xuân, Tân An, Bình Thuyền, Bình Hòa, Tứ Xuân phường, Tiến Đức, Thái Lộc, Tân Hòa, Phúc Lộc). Trấn Vĩnh Thanh có 1 thôn "tứ chiếng" (Mỹ Hoà). Theo *Gia Định thành thông chí*, thôn "tứ chiếng" quy tụ người lưu tán từ bốn phương tới làm ăn (9). Số thôn "tứ chiếng" ít ỏi phản ánh tình hình ổn định của cư dân người Việt trên vùng đất mới. Cuộc sống lấy nghề nông làm gốc đã gắn bó chặt chẽ người nông dân với đồng ruộng mà họ đã khai khẩn được, và thôn ấp của họ có sự vững bền, truyền lại từ đời này sang đời khác.

Thôn ấp có tên bắt đầu bằng chữ "Tân" có số lượng nhiều nhất và rải khắp các trấn. Khi người Việt từ các phủ phía ngoài trôi dạt vào vùng đất này làm ăn, họ thường dùng tên làng cũ đặt sau chữ Tân để gọi tên làng mới, nhằm gợi nhớ nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Hoặc họ đặt sau chữ Tân những ước vọng về cuộc sống như: Tân Định, Tân Phú, Tân Thịnh, Tân Hòa, Tân An... Chữ Tân trong tên làng mới của người Việt có thể còn phản ánh tình trạng khai phá của họ. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: "Huyện Phúc Chính (trấn Biên Hòa) trước là tổng Tân Chính... nguyên lúc bắt đầu mở mang, đầu nguồn Đồng Nai còn nhiều rừng rậm, người địa phương ấy lấy bãi Tân Chính trở lên đặt làm tổng Tân Chính... Về sau người ở đấy lại lấy đất không ở Trấn Biên mà trưng cho thuộc về, đều lấy chữ Tân đặt lên trên để phân biệt..."

(10). Như vậy, chữ Tân trong tên thôn ấp, theo Trịnh Hoài Đức, còn phản ánh tình trạng hoang tạp của đất đai. Tên thôn ấp được Trịnh Hoài Đức ghi thêm bên cạnh hai chữ "thủy lập" có nghĩa là được lập từ buổi đầu.

Trong buổi đầu khai phá, các thôn ấp là những cụm dân cư được hình thành do sự tập hợp, quy tụ của những người dân xiêu tán, còn mang tính tự lập, tự quản. Thôn ấp được biên vào sổ sách của triều đình không bao gồm hết số dân cư, vì theo Trịnh Hoài Đức, những người có ruộng đất của ông cha sinh sống lâu đời để lại - những người "bản thổ" - thì được biên vào sổ, còn "các dân biệt nạp biệt tính, người có phú dịch mà không có phân đất, gọi là ngụ cư, danh mục hộ khẩu còn nhiều, đều chưa tính vào" (11). Trấn Phiên An là nơi có số xã thôn cao nhất trong 5 trấn, là vùng đất được quản lý sớm

nhất về mặt hành chính. ở những vùng được nhà nước quản lý muộn hơn như Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên, số dân không được liệt vào thôn xã chắc chắn còn cao hơn. Thành phần này có nhiều loại: hoặc là những người sinh sống từ lâu nhưng chưa khai vào thôn xã để trốn thuế, hoặc do sống rải rác chưa đủ số lượng để lập thôn xã, hoặc là những dân di cư mới tới... Huyện có số thôn xã ít chưa hẳn có số dân ít hơn huyện có nhiều thôn xã, vì nguyên tắc thành lập tổng, huyện, phủ là "cứ theo đất rộng hay hẹp, dân nhiều hay ít, hễ thấy liền nhau là bỏ vào" (12). Vì vậy, tại vùng đất cực Nam thuộc trấn Hà Tiên ngoài 52 thôn ấp lập từ sớm, thì đạo Long Xuyên (lập từ năm 1735) có 39 thôn ấp, đạo Kiên Giang chỉ có 11 thôn ấp đều được nâng lên làm huyện với 4 tổng mới lập. Tại vùng địa đầu Gia Định là Bà Rịa, nơi người Việt có mặt sớm nhất, các huyện Long Thành và Phước An lại có số thôn thấp hơn các huyện khác thuộc trấn Biên Hòa. Tại trấn Vĩnh Thanh huyện Vĩnh Định có 37 thôn xã là huyện duy nhất không được chia thành các tổng, vì các thôn xã ở quá thưa thớt trên một vùng đất rộng phía nam sông Hậu. Nhìn chung, người Việt đã cư trú tương đối tập

trung. Theo sách *Gia Định thành thông chí*, khi chính quyền bấy giờ đặt ra hệ thống hành chính thì hình thức tổ chức thôn xã chỉ áp dụng với những người làm nghề nông, còn những người làm nghề rừng, nghề biển thì không lập thành thôn mà tập hợp thành trang, trại, man, nậu... (13).

Qua số liệu về thôn ấp và những chỉ dẫn của Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí*, chúng ta có thể hình dung thêm về tình hình khai phá của người Việt trên vùng đất Nam Bộ cho đến đầu thế kỷ XIX. Các vùng cư trú của người Việt đã trải tương đối rộng, họ sống khá tập trung và khai thác sớm các vùng đất thuộc Hạ lưu các sông, phát triển về phía Tây theo các vùng đất Trung và Thượng lưu. Tuyệt đại đa số người Việt sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng, làm vườn. Địa bàn thuận lợi cho việc trồng cấy là các vùng đất ven biển, ven các sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu và chi lưu, các vùng đất cao, bãi nổi, cù lao... Đó cũng là nơi thuận lợi cho việc giao thông, giao lưu giữa các điểm có cư dân quần tụ. Theo bước chân khai phá, mạng lưới thôn ấp hình thành và tỏa rộng đã góp phần tạo nên sự trù mật của vùng đất này.

CHÚ THÍCH

(1). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 1998. Theo *Đại Nam liệt truyện*, Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825) tên tự là Chí Sơn, tên hiệu là Cán Trai, học trò của xử sĩ Võ Trường Toản. Ông làm quan thời đầu triều Nguyễn, trải qua nhiều chức vụ như Hàn lâm chế cáo, Tham tri bộ Hộ, Quyền Tổng trấn Gia Định thành, Thượng thư bộ Lại, Hiệp biện Đại học sĩ, "là người cẩn thận, phong độ, trầm tĩnh, nghiêm chỉnh, học vấn rộng rãi, nghị luận thường giữ đại thể, đức nghiệp văn chương

đời phải tôn trọng" (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện chính biên*, bản dịch của Viện Sử học, Tập 2, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tr. 186-192)

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (9), (10), (11), (12), (13). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 86-139, 155, 155, 155, 155, 86-139, 113, 96, 86, 86, 103.

(8). Chẳng hạn: "Thủy lập Bình Hòa thôn..." "Thủy lập An Bình thôn"... (Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sdd, Phần chữ Hán trang 236). Hai chữ "thủy lập" được ghi bằng chữ nhỏ.